

LỒNG GHÉP PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ VIỆT NAM

*TS. Phạm Đăng Quyết**

Tóm tắt:

Vai trò của thống kê trong phát triển quốc gia là rất quan trọng, chính vì vậy ngày 18/10/2011 Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Sau 10 năm thực hiện Chiến lược, Thống kê Việt Nam đã có những tiến bộ và phát triển hơn so với trước đây và đạt được những kết quả quan trọng, góp phần nâng cao năng lực, đáp ứng tốt hơn nhu cầu thông tin thống kê phục vụ Đảng, Nhà nước và các đối tượng sử dụng tin khác nhau. Tuy nhiên, Mục tiêu chiến lược "Thống kê Việt Nam phát triển nhanh, bền vững; phấn đấu đến năm 2020 Thống kê Việt Nam đạt trình độ khá và năm 2030 đạt trình độ tiên tiến trong khu vực" vẫn chưa đạt được. Bài viết này đưa ra sự lồng ghép phát triển thống kê kinh tế, xã hội và môi trường trong chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam.

1. Tổng quan

Hiện nay Tổng cục Thống kê đang tổng kết Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 để chuẩn bị cho một Chiến lược phát triển Thống kê mới trong giai đoạn tiếp theo 2021-2030. Bài viết này xem xét thống kê trên 3 phương diện thống kê kinh tế, thống kê xã hội và thống kê môi trường và những đánh giá của quốc tế đối với chúng.

Thực tiễn minh chứng số liệu thống kê đáng tin cậy mô tả thực tế cuộc sống hàng ngày của mọi người. Số liệu thống kê chính thức giúp các nhà hoạch định chính sách ra quyết định phát triển các chính sách có hiệu biết tác động đến hàng triệu người. Có thể nói "dữ liệu là mạch máu của việc ra quyết định và là nguyên liệu thô cho trách nhiệm giải trình. Không có dữ liệu chất lượng cao cung cấp thông tin phù hợp về những thứ phù hợp vào đúng thời điểm thì việc thiết kế, giám sát và

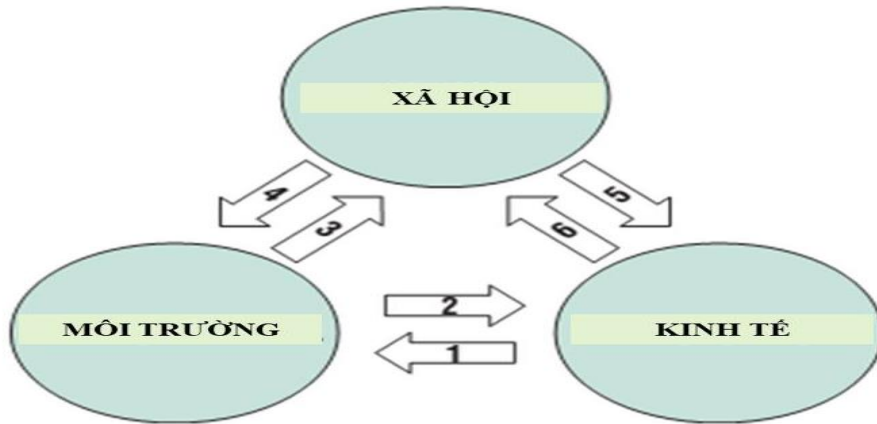
đánh giá các chính sách hiệu quả trở nên gần như không thể".

Hiện nay chính phủ các nước trên thế giới đang lồng ghép một loạt các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) vào chính sách phát triển quốc gia cho giai đoạn 2016 đến 2030. Các Mục tiêu Phát triển Bền vững sẽ tiếp tục cuộc chiến chống đói nghèo cùng cực nhưng sẽ thêm những thách thức về đảm bảo phát triển công bằng hơn và môi trường bền vững. Điều quan trọng đối với sự thành công của chúng sẽ là quản trị tốt, được cung cấp thông tin bởi các Hệ thống thống kê mạnh mẽ có thể đo lường được và khuyến khích sự tiến bộ trên tất cả các mục tiêu. Hơn nữa, dữ liệu phân tích sẽ cần thiết để đảm bảo rằng không ai bị bỏ lại phía sau.

Có thể hiểu khái niệm phát triển bền vững bao gồm ba khía cạnh phúc lợi - kinh tế, môi trường và xã hội - và liên quan đến sự hiệp lực và đánh đổi phức tạp giữa các khía cạnh đó (Hình 1).

* *Hội Thống kê Việt Nam*

Hình 1. Các khía cạnh chính của phát triển bền vững



Nguồn: Candice Stevens (2005)

Tác động tương hỗ giữa 3 khía cạnh đó được hàm ý theo các chỉ số của các mũi tên trong Hình 1:

1 - Ảnh hưởng của hoạt động kinh tế đến môi trường (ví dụ, sử dụng tài nguyên, thải chất ô nhiễm, chất thải).

2 - Dịch vụ môi trường đối với nền kinh tế (ví dụ: tài nguyên thiên nhiên, chức năng chìm, đóng góp vào hiệu quả kinh tế và việc làm).

3 - Dịch vụ môi trường cho xã hội (ví dụ, tiếp cận các nguồn lực và tiện nghi, đóng góp cho sức khỏe, điều kiện sống và làm việc).

4 - Ảnh hưởng của các biến số xã hội đối với môi trường (ví dụ, thay đổi nhân khẩu học, mô hình tiêu dùng, giáo dục và thông tin môi trường, khuôn khổ thể chế và pháp lý).

5 - Ảnh hưởng của các biến số xã hội đến nền kinh tế (ví dụ, lực lượng lao động, cơ cấu dân số và hộ gia đình, giáo dục và đào tạo; mức tiêu dùng, khuôn khổ thể chế và luật pháp).

6 - Ảnh hưởng của hoạt động kinh tế đối với xã hội (ví dụ, mức thu nhập, công bằng, việc làm).

Khi thế giới bắt tay vào một dự án đầy tham vọng nhằm đáp ứng các mục tiêu phát triển bền vững mới, nhu cầu cấp thiết là phải huy động cuộc cách mạng dữ liệu cho tất cả mọi người và toàn hành tinh để theo dõi tiến độ, để giữ các chính phủ có trách nhiệm và thúc đẩy phát triển bền vững. Thông tin đa dạng hơn, tích hợp, kịp thời và đáng tin cậy hơn có thể giúp công dân ra quyết định tốt hơn và phản hồi theo thời gian thực. Điều này lại cho phép các cá nhân, các tổ chức công và tư, và các công ty đưa ra những lựa chọn tốt cho họ và cho thế giới họ đang sống.

Theo quan điểm của Liên hợp quốc, số liệu thống kê là một công cụ tìm kiếm giải pháp cũng như một công cụ thực sự để đánh giá quy mô hoặc mức độ phát triển quốc gia của một quốc gia trong một thời kỳ nhất định. Các chính sách kinh tế quốc gia và mối quan hệ tương tác phức tạp giữa các lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế khiến cho việc xây dựng các mô hình hoạch định kinh tế vĩ mô trở nên cấp thiết. Kiểu xây dựng mô hình này chỉ có thể thực hiện được khi có thông tin thống kê kịp thời và đáng tin cậy. Do đó, thống kê đóng một vai trò quan trọng để đạt được các mục tiêu phát triển quốc gia dựa trên sự sẵn có của các chỉ số thống kê

kip thời và đáng tin cậy như GDP, tỷ lệ lạm phát, tỷ lệ hộ nghèo, thu nhập bình quân đầu người, lực lượng lao động, nhà ở, đi học, sức khỏe, v.v...

Số liệu thống kê chính thức của hầu hết các quốc gia bao gồm ba nhánh hoặc lĩnh vực: đó là thống kê kinh tế, thống kê xã hội và nhân khẩu học và thống kê môi trường. Không thể không nhấn mạnh tầm quan trọng và sự sẵn có của các số liệu thống kê kịp thời và đáng tin cậy về đời sống kinh tế - xã hội của một quốc gia, song phạm vi thống kê về môi trường, xã hội và kinh tế trùng lặp và không để vẽ một đường phân chia rõ ràng giữa các lĩnh vực thống kê này.

Một trong những chức năng chính của thống kê kinh tế là phát triển các khái niệm, định nghĩa, phân loại và phương pháp có thể được sử dụng để tạo ra thông tin thống kê mô tả trạng thái và chuyển động của các hiện tượng kinh tế, cả theo thời gian và không gian. Thông tin này sau đó được sử dụng để phân tích hành vi của các nhà điều hành kinh tế, dự báo những chuyển động có thể xảy ra của nền kinh tế nói chung, đưa ra các quyết định kinh tế và chính sách kinh doanh, cân nhắc ưu và nhược điểm của các khoản đầu tư thay thế, v.v... (Enrico, 2008). Trong đó, thống kê kinh tế tổng hợp là một tập hợp các số liệu thống kê kinh tế mô tả một bức tranh nhất quán và chặt chẽ về các hoạt động kinh tế cho các mục đích chính sách, kinh doanh và các mục đích phân tích khác. Trong bối cảnh toàn cầu ngày nay, người dùng dịch vụ thống kê yêu cầu nhiều hơn và tốt hơn số liệu thống kê và do đó các dịch vụ thống kê cần phải chủ động trong việc đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của người dùng về tích hợp dữ liệu kinh tế.

Thống kê xã hội là việc sử dụng các hệ thống đo lường thống kê để nghiên cứu hành vi của con người trong môi trường xã hội. Điều này có thể được thực hiện thông qua thăm dò ý

kiến một nhóm người, đánh giá một tập hợp con dữ liệu thu được về một nhóm người hoặc bằng cách quan sát và phân tích thống kê tập hợp dữ liệu liên quan đến con người và hành vi của họ. Liên hợp quốc đã quan tâm đến các vấn đề phát triển xã hội và mức sống, dựa trên việc thúc đẩy "mức sống cao hơn, việc làm đầy đủ, và các điều kiện của tiến bộ và phát triển kinh tế và xã hội" như được quy định trong Hiến chương của Liên hợp quốc (Điều 55). Thống kê Liên hợp quốc đã nhận ra rằng sự phát triển của thống kê xã hội liên quan đến việc sắp xếp dữ liệu theo cách để có thể phân tích sự khác biệt giữa các nhóm xã hội và quốc gia trong các vấn đề thời sự, chẳng hạn như nhà ở, y tế, giáo dục, điều kiện của công việc và việc làm; và đặc biệt quan tâm đến việc nghiên cứu điều kiện của các nhóm dân cư đặc biệt, bao gồm trẻ em, người già, người thất nghiệp, người khuyết tật, v.v... Từ đó, Cơ quan Thống kê đã phối hợp với các cơ quan chuyên môn, các Ủy ban khu vực và các các tổ chức liên quan hướng tới việc phát triển số liệu thống kê trong các lĩnh vực chính đó, cũng như trong các lĩnh vực như tội phạm, di cư quốc tế, giới, sử dụng thời gian và nghèo đói (UNSD, Brochure Social Statistics).

Số liệu thống kê kinh tế và xã hội mô tả các quá trình hoặc hoạt động có tác động trực tiếp hoặc tương tác trực tiếp đến môi trường được sử dụng rộng rãi trong thống kê môi trường và chúng nằm trong phạm vi của Khung phát triển thống kê môi trường (FDES). Các số liệu thống kê kinh tế và xã hội liên quan được yêu cầu đưa các vấn đề môi trường trong bối cảnh và để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân tích tổng hợp các quá trình môi trường, xã hội và kinh tế. Nhưng thống kê môi trường cũng đang chứng tỏ là một lĩnh vực đặc biệt thách thức vì tính chất độc đáo của nó. Một điểm khác biệt quan trọng được tìm thấy trong các trình tự thu thập dữ liệu. Các nhà thống kê kinh tế và xã hội thu thập dữ liệu mà họ yêu

cầu bằng cách sử dụng hồ sơ đăng ký chính thức của các doanh nghiệp và dựa trên các cuộc tổng điều tra và điều tra thực địa về các doanh nghiệp và hộ gia đình. Các công cụ tương tự không có sẵn trong lĩnh vực môi trường. Thay vào đó, phần lớn dữ liệu thô được thu thập từ mạng lưới các trạm quan trắc phụ thuộc vào kết quả đo của thiết bị và từ các hoạt động thu thập khác do các nguồn bên ngoài Cơ quan Thống kê quốc gia thực hiện (ADB, 2002).

2. Đánh giá vị trí Hệ thống thống kê quốc gia của Việt Nam

Hiện nay các Tổ chức quốc tế xem xét ba chỉ số đánh giá tính mở hoặc chất lượng dữ liệu do chính phủ các quốc gia cung cấp. Thang kế đo dữ liệu mở (Open Data Barometer) do Viện dữ liệu mở và Tổ chức web toàn cầu sản xuất và Chỉ số dữ liệu mở (Open Data Index) do Tổ chức tri thức mở sản xuất, đánh giá mức độ mở của các bộ dữ liệu khác nhau do các chính phủ tạo ra, trong đó kết quả đầu ra của Hệ thống thống kê quốc gia chỉ là một phần. Chỉ số Năng lực Thống kê (Statistical Capacity Index) của Ngân hàng Thế giới, đánh giá năng lực của Hệ thống thống kê quốc gia trong việc tạo ra các số liệu thống kê đáng tin cậy nhưng không xem xét liệu dữ liệu có đáp ứng các tiêu chí về tính mở hay không. Mặc dù cả ba chỉ số khác nhau về thiết kế và nội dung, nhưng phần lớn xếp hạng của chúng ở các quốc gia có mỗi tương quan cao.

2.1. Thang kế đo dữ liệu mở

Thang kế đo dữ liệu mở (Open Data Barometer) là một thước đo toàn cầu về cách các Chính phủ đang xuất bản và sử dụng dữ liệu mở cho trách nhiệm giải trình, đổi mới và tác động xã hội. Nó dựa trên việc cho điểm của những người cung cấp thông tin sở tại đối với các câu hỏi liên quan đến chính sách, việc thực hiện và tác động của các sáng kiến dữ liệu mở của Chính phủ và đánh giá cho điểm về tính mở

trên bốn mươi loại dữ liệu ở mỗi quốc gia. Ngoài ra, dữ liệu thứ cấp được sử dụng để bổ sung cho dữ liệu khảo sát chuyên gia và đánh giá mức độ sẵn sàng của các quốc gia trong việc thực hiện các sáng kiến dữ liệu mở của chính phủ. Kết quả được tóm tắt trong ba chỉ mục phụ và điểm tổng thể được chia tỷ lệ từ 0 đến 100.

Chỉ mục về Sự sẵn sàng đo lường sự sẵn sàng bao gồm các biện pháp liên quan đến sự tồn tại của dữ liệu mở và một loạt các biện pháp can thiệp hỗ trợ việc tham gia và tái sử dụng dữ liệu mở thông qua ba thành phần chủ chốt là Chính phủ, Công dân và xã hội dân sự và Doanh nhân và doanh nghiệp. Các sáng kiến dữ liệu mở của chính phủ hiệu quả đòi hỏi sự tham gia của Chính phủ, xã hội dân sự và khu vực tư nhân.

Chỉ mục về Triển khai yêu cầu các nhà nghiên cứu hoàn thành danh sách kiểm tra chi tiết cho từng loại trong số 15 loại dữ liệu, cùng với thông tin chi tiết về dữ liệu định tính mà các nhà nghiên cứu yêu cầu cung cấp để giải thích cho mỗi câu trả lời. Chỉ mục Triển khai phân cụm các tệp dữ liệu này thành ba nhóm, dựa trên phân tích định tính về các cách phổ biến mà các loại dữ liệu này được sử dụng:

Nhóm 1: Đổi mới - dữ liệu thường được các doanh nhân sử dụng trong các ứng dụng dữ liệu mở hoặc có giá trị quan trọng đối với doanh nghiệp, bao gồm Dữ liệu bản đồ, Lịch trình giao thông công cộng, Thống kê tội phạm, Dữ liệu thương mại quốc tế, Hợp đồng công.

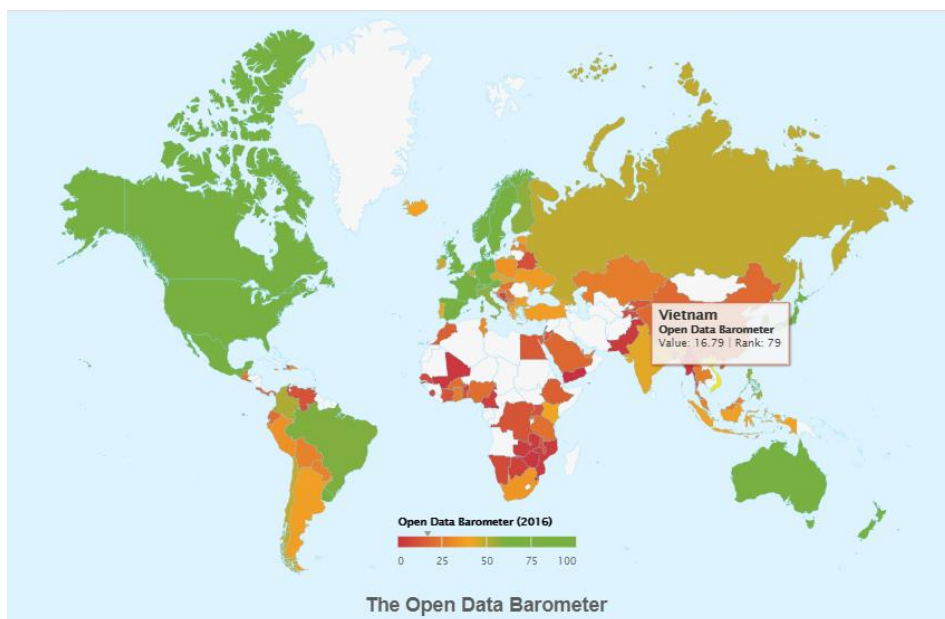
Nhóm 2: Chính sách xã hội - dữ liệu hữu ích trong việc lập kế hoạch, cung cấp và phân biện các chính sách xã hội và có khả năng hỗ trợ sự hòa nhập và trao quyền nhiều hơn, bao gồm Hiệu quả hoạt động của ngành y tế, Giáo dục tiểu học hoặc trung học, Dữ liệu hiệu suất, Thống kê môi trường quốc gia, Dữ liệu tổng điều tra chi tiết.

Nhóm 3: Trách nhiệm giải trình - Trung tâm dữ liệu để các chính phủ và tập đoàn nắm giữ các dữ liệu, bao gồm Dữ liệu về Quyền sở hữu đất đai, Luật pháp, Kết quả Bầu cử Quốc gia, Ngân sách Chính phủ chi tiết, Chi tiêu Chính phủ Chi tiết, Hồ sơ đăng ký công ty.

Chỉ mục về Tác động đo lường các tác động của dữ liệu mở như một đại diện cho sự

tồn tại của các tác động theo các thành phần: chính trị, xã hội, kinh tế của các quốc gia. Dữ liệu mở của chính phủ có một loạt các tác động tiềm ẩn, và các lựa chọn được đưa ra trong việc thực hiện một chính sách dữ liệu mở của chính phủ có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện các tác động nào trong số các tác động này.

Hình 2. Bản đồ Thang kế đo dữ liệu mở các nước trên thế giới năm 2016



Nguồn: https://opendatabarometer.org/4thedition/?_year=2016&indicator=ODB

Năm 2016 Việt Nam xếp thứ hạng 79/115 nước trên thế giới. Bảng 1 cho thấy điểm số các chỉ mục về sự sẵn sàng, thực hiện và tác động và tổng điểm Thang kế đo dữ liệu mở của Việt Nam so với một số nước trong khu vực Đông Á – Thái Bình Dương.

Bảng 1. So sánh điểm số Thang kế đo dữ liệu mở của các nước khu vực Đông Á – Thái Bình Dương năm 2016

Xếp hạng thế giới	Điểm	Nước	Sự sẵn sàng	Thực hiện	Tác động
5	81	Hàn	95	59	100
5	81	Úc	85	78	78
7	79	New Zealand	92	58	99
8	75	Nhật	84	60	89

22	55	Philippines	58	41	76
23	53	Singapore	73	46	41
38	38	Indonesia	51	39	25
53	28	Thái Lan	53	20	19
71	28	Trung Quốc	40	31	11
79	17	Việt Nam	25	18	13
113	1	Myanmar	2	5	4

Nguồn: <https://opendatabarometer.org/doc/4thEdition/ODB-4thEdition-RegionalReport-EAP.pdf>

Việt Nam xếp thứ hạng gần cuối bảng, chỉ hơn Myanmar. Sẵn sàng cho các sáng kiến dữ liệu mở: Sự tham gia của thành phần Chính phủ (34 và 23 điểm) và Doanh nhân và Doanh nghiệp (31 điểm) tương đối cao hơn so với sự sẵn sàng của khu vực Công dân và xã hội dân sự (18 điểm) trong việc tận dụng dữ liệu mở. Triển khai các chương trình dữ liệu mở: điểm số Đổi mới 18 điểm; điểm số Chính sách xã hội 19 điểm; điểm số Trách nhiệm giải trình 26 điểm. Tác động của dữ liệu mở: có Tác động chính trị 18 điểm; có tác động xã hội 15 điểm; có tác động kinh tế 0 điểm.

(https://opendatabarometer.org/4thedition/detailcountry/?_year=2016&indicator=ODB&detail=VNM)

2.2. Chỉ số Dữ liệu mở

Chỉ số Dữ liệu mở (ODI) là một chỉ số có nguồn gốc từ cộng đồng của các tập dữ liệu về độ mở do Open Knowledge Foundation tạo ra. Kho dữ liệu mở (ODIN) đo lường mức độ hoàn chỉnh của cung cấp thống kê của một quốc gia và liệu dữ liệu của họ có đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về tính mở hay không. Dữ liệu được đánh giá trong ODIN phải là dữ liệu chính thức của quốc gia được xuất bản trên trang web của Cơ quan thống kê quốc gia (NSO) hoặc bất kỳ trang

web chính thức nào khác của quốc gia được liên kết từ trang web của NSO.

Các đánh giá của ODIN xem xét các số liệu thống kê đã xuất bản trong hơn hai mươi danh mục chuyên đề, được nhóm lại thành số liệu thống kê xã hội, thống kê kinh tế và tài chính và thống kê môi trường. Điểm số bao phủ dựa trên sự sẵn có của các chỉ số chính và các phân tổ thích hợp theo thời gian và cho các phân khu địa lý. Điểm số độ mở dựa trên việc dữ liệu có thể được tải xuống ở các định dạng máy đọc được và không thuộc quyền sở hữu, có kèm theo siêu dữ liệu hay không và liệu các tùy chọn tải xuống có tồn tại như tải xuống hàng loạt và do người dùng lựa chọn hoặc giao diện lập trình ứng dụng (API) hay không và có điều khoản sử dụng mở hoặc giấy phép dữ liệu hay không.

Điểm tổng thể ODIN mặc định có trọng số như nhau giữa ba nhóm. Trong mỗi hạng mục, các chỉ số đại diện được lựa chọn vì chúng thường xuyên cần thiết cho các chính sách công hoặc các sáng kiến tư nhân và vì chúng cung cấp bằng chứng về các quy trình thống kê cơ bản mà các cơ quan thống kê chịu trách nhiệm. Các danh mục dữ liệu trong ODIN 2020/21 là:

Thống kê xã hội 1. Thống kê dân số và sinh, tử, kết hôn 2. Cơ sở vật chất giáo dục 3. Kết quả giáo dục 4. Cơ sở Y tế 5. Kết quả sức khỏe 6. Sức khỏe sinh sản 7. An ninh lương thực và dinh dưỡng 8. Thống kê giới tính 9. Thống kê Tội phạm và Tư pháp 10. Thống kê đói nghèo và thu nhập	Thống kê kinh tế và tài chính 11. Tài khoản quốc gia 12. Thống kê Lao động 13. Chỉ số giá 14. Tài chính Chính phủ 15. Tiền tệ và Ngân hàng 16. Thương mại quốc tế 17. Cán cân thanh toán	Thống kê môi trường 18. Nông nghiệp và sử dụng đất 19. Sử dụng tài nguyên 20. Năng lượng 21. Ô nhiễm 22. Môi trường xây dựng
--	---	---

Việt Nam xếp thứ 91/187 nước trên thế giới trong Kho dữ liệu mở 2020 với điểm tổng thể là 49 (theo <https://odin.opendatawatch.com>). Điểm tổng thể là sự kết hợp của điểm phụ về mức độ bao phủ dữ liệu là 44 và điểm số phụ về độ mở của dữ liệu là 54; xếp thứ 7/11 nước trong khu vực Đông Nam Á (Bảng 3).

Bảng 2. Thứ hạng Chỉ số dữ liệu mở của Việt Nam trên toàn cầu và trong khu vực Đông Nam Á năm 2020

	Tổng điểm		Điểm mức độ bao phủ		Điểm độ mở	
	Hạng	Điểm	Hạng	Điểm	Hạng	Điểm
Thế giới	91	49	122	44	86	54
Đông Nam Á	7		9		5	

Nguồn: Regional Results - Open Data Inventory (opendatawatch.com)

Bảng 3. So sánh Chỉ số dữ liệu mở của Việt Nam và các nước trong khu vực Đông Nam Á năm 2020

Các nước Đông Nam Á	Điểm xếp hạng chung		Điểm mức độ bao phủ		Điểm độ mở	
	Hạng	Điểm	Hạng	Điểm	Hạng	Điểm
Singapore	1	92	1	80	1	100
Philippines	6	73	6	63	6	81
Indonesia	11	68	11	59	6	75
Brunei	22	53	35	48	19	58
Malaysia	23	53	29	19	25	53
Myanmar	26	51	29	49	27	52
Việt Nam	28	49	42	44	23	54
Thái Lan	36	44	30	49	37	39

Lào	42	39	48	35	36	43
Đông Timor	43	39	36	47	35	32
Campuchia	47	33	49	30	41	36

Nguồn: Regional Results - Open Data Inventory (opendatawatch.com)

Bảng 4. Chỉ số dữ liệu mở của Việt Nam theo thành phần năm 2020

Danh mục dữ liệu	Điểm mức độ bao phủ	Điểm độ mở	Điểm xếp hạng chung
1. Thống kê xã hội	39	53	46
1.1 Thống kê dân số và sinh, tử, kết hôn	40	50	45
1.2 Cơ sở vật chất giáo dục	40	60	50
1.3 Kết quả giáo dục	40	60	50
1.4 Cơ sở Y tế	40	70	55
1.5 Kết quả sức khỏe	40	70	55
1.6 Sức khỏe sinh sản	50	50	50
1.7 An ninh lương thực và dinh dưỡng	50	60	56
1.8 Thống kê giới tính	30	40	35
1.9 Thống kê Tội phạm và Tư pháp	0	0	0
1.10 Thống kê Đói nghèo và Thu nhập	60	70	65
2. Thống kê kinh tế và tài chính	40	49	45
2.1 Tài khoản quốc gia	38	70	56
2.2 Thống kê Lao động	60	60	60
2.3 Chỉ số giá	38	70	56
2.4 Tài chính Chính phủ	75	70	72
2.5 Tiền tệ và Ngân hàng	0	0	0
2.6 Thương mại quốc tế	50	70	63
2.7 Cán cân thanh toán	0	0	0
3. Thống kê môi trường	52	60	57
3.1 Nông nghiệp và sử dụng đất	40	60	50
3.2 Sử dụng tài nguyên	100	70	83

3.3 Năng lượng	50	70	63
3.4 Ô nhiễm	63	70	67
3.5 Môi trường xây dựng	20	30	25
Tổng	44	54	49

Nguồn: Vietnam Open Data Inventory Profile - Open Data Inventory (opendatawatch.com)

Chỉ số dữ liệu mở của Thống kê xã hội là 46, trong đó độ bao phủ là 39, độ mở là 53. Chỉ số dữ liệu mở của Thống kê kinh tế là 45, trong đó độ bao phủ là 40, độ mở là 49. Chỉ số dữ liệu mở của Thống kê môi trường là 57, trong đó độ bao phủ là 52, độ mở là 60.

2.3. Chỉ số Năng lực Thống kê

Chỉ số Năng lực Thống kê (SCI) của Ngân hàng Thế giới khác với Thang kế đo dữ liệu mở (ODB) và Chỉ số dữ liệu mở (ODI) ở một số khía cạnh. Nó chỉ coi các bộ dữ liệu theo truyền thống là trách nhiệm của NSO, mặc dù các Hệ thống thống kê hiện đại có thể tạo ra nhiều loại thông tin khác; các tiêu chí mà các bộ dữ liệu được đánh giá có nguồn gốc từ thông tin được công bố, chứ không phải là đánh giá của các chuyên gia hoặc người sử dụng dữ liệu; và nó có sẵn cho 149 quốc gia đang phát triển nhưng không áp dụng cho các quốc gia được Ngân hàng Thế giới xếp vào nhóm thu nhập cao. Cuối cùng, nó không xem xét rõ ràng liệu các bộ dữ liệu có đáp ứng các tiêu chí về tính mở hay không.

SCI được thiết kế để cung cấp thước đo năng lực của các Hệ thống thống kê quốc gia. Nó không phải là thước đo chất lượng của các bộ dữ liệu riêng lẻ mặc dù nó xem xét các yếu tố cung cấp cơ sở cho chất lượng. Chỉ số này bao gồm ba chỉ số phụ:

Phương pháp thống kê, một thước đo điểm mười về một quốc gia tuân thủ các tiêu

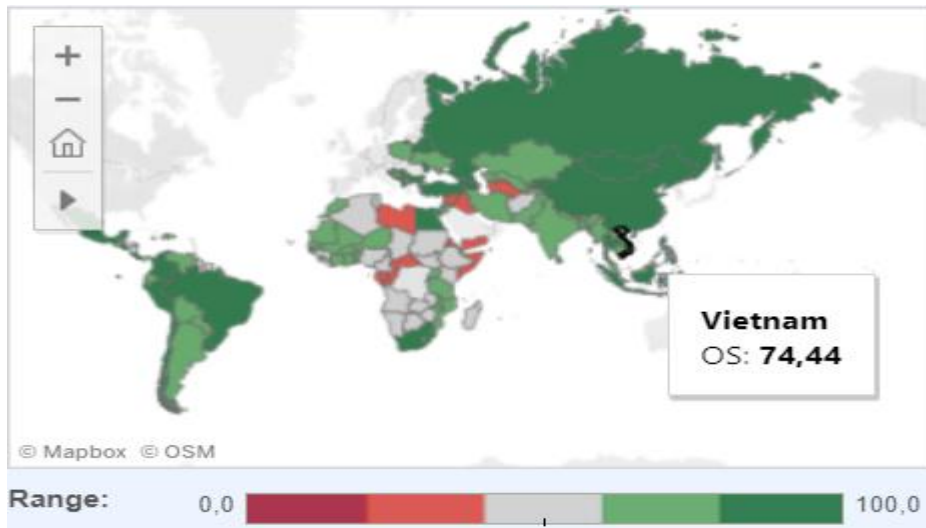
chuẩn quốc tế. Các lĩnh vực thống kê được xem xét trong đo lường này bao gồm tài khoản quốc gia, cán cân thanh toán, nợ nước ngoài, chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số sản xuất công nghiệp, giá xuất khẩu, nhập khẩu, thống kê tài chính chính phủ, thống kê giáo dục và y tế và tham gia vào Tiêu chuẩn phổ biến dữ liệu riêng biệt của IMF.

Dữ liệu nguồn, một thước đo năm điểm đánh giá liệu một quốc gia có tiến hành các hoạt động thu thập dữ liệu trong khoảng thời gian được quốc tế khuyến nghị hay không và liệu dữ liệu từ các hệ thống hành chính có sẵn có và đáng tin cậy hay không. Các hoạt động thống kê được xem xét trong đo lường này là tổng điều tra dân số, tổng điều tra nông nghiệp, điều tra nghèo đói, khảo sát liên quan đến sức khỏe, và hệ thống đăng ký quan trọng.

Tính định kỳ và kịp thời, thước đo mười điểm đánh giá tính khả dụng và tính chu kỳ của các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chính. Trong mỗi chỉ mục phụ, mỗi phần tử có trọng số như nhau. Được đánh giá ở đây là tần suất hoặc đơn vị tiền tệ của các chỉ số về nghèo đói, suy dinh dưỡng và tử vong ở trẻ em, tiêm chủng, tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS, tỷ lệ tử vong của bà mẹ, tuyển sinh giáo dục theo giới tính, tỷ lệ hoàn thành giáo dục tiểu học, khả năng tiếp cận nước và tốc độ tăng trưởng GDP.

Giá trị chỉ số tổng thể là giá trị trung bình có trọng số bằng nhau của ba chỉ mục phụ được chia tỷ lệ từ 0 đến 100.

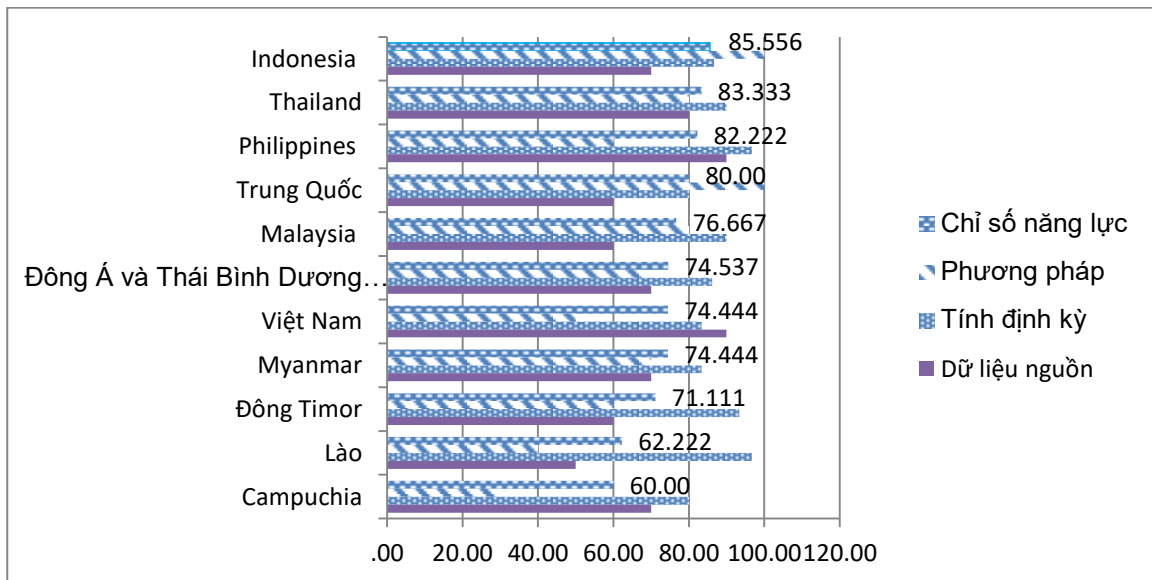
Hình 3. Bản đồ Chỉ số năng lực thống kê của các nước trên thế giới năm 2020



Nguồn: <https://datatopics.worldbank.org/statisticalcapacity/SCIdashboard.aspx>

Năm 2020, Chỉ số năng lực thống kê của Việt Nam là 74,44, trong đó chỉ số về Phương pháp luận là 50, chỉ số về Tính định kỳ và kịp thời là 83,3, chỉ số về Dữ liệu nguồn là 90. Năng lực thống kê của Việt Nam chưa đạt được mục tiêu “Nâng Chỉ số chung về năng lực thống kê theo các tiêu chí đánh giá của Ngân hàng Thế giới đối với thống kê nước ta lên 80 điểm vào năm 2020”. Chỉ số phương pháp luận thống kê vẫn chưa đạt được mục tiêu lên 75 điểm vào năm 2020.

Hình 4. So sánh chỉ số năng lực thống kê của Việt Nam với các nước trong Khu vực Đông Nam Á và với Trung Quốc năm 2020



Nguồn: <https://databank.worldbank.org/reports.aspx?source=Statistical-capacity-indicators> và tác giả lập biểu đồ.

Chỉ số năng lực thống kê của Việt Nam mới chỉ gần đạt mức trung bình của các nước trong khu vực Đông Á – Thái Bình Dương (74,44 và 74,54). Năng lực thống kê của Việt Nam vẫn còn đứng sau 4 nước top đầu trong ASEAN là Malaysia, Philippines, Thái Lan, Indonesia và với cả Trung Quốc.

Chỉ số về Phương pháp luận thống kê và về Tính định kỳ và kịp thời của Việt Nam vẫn ở gần mức trung bình của các nước trong khu vực Đông Á – Thái Bình Dương; riêng chỉ số Dữ liệu nguồn luôn ở trên mức trung bình của các nước trong khu vực Đông Á – Thái Bình Dương.

Rõ ràng sau 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030, mục tiêu tổng quát “Thống kê Việt Nam phát triển nhanh, bền vững; phấn đấu đến năm 2020 Thống kê Việt Nam đạt trình độ khá và năm 2030 đạt trình độ tiên tiến trong khu vực” vẫn còn là mục tiêu kỳ vọng.

3. Lồng ghép phát triển thống kê kinh tế, xã hội và môi trường vào Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045

Thông qua công cụ giám sát hiệu suất thống kê ở cấp độ toàn cầu như Chỉ số Năng lực Thống kê của Ngân hàng Thế giới và Kho dữ liệu mở (ODIN) được trình bày ở trên, kết hợp với công cụ đánh giá chất lượng dữ liệu của IMF - Khung đánh giá chất lượng dữ liệu

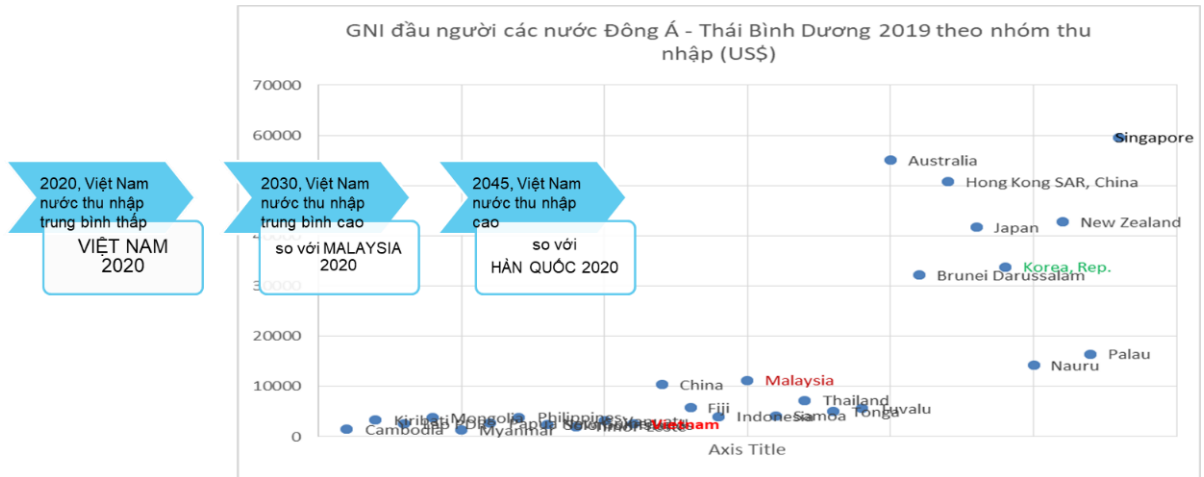
(DQAF) sử dụng trong Mô-đun dữ liệu của IMF cho các Báo cáo về mức độ tuân thủ Hệ thống phổ biến dữ liệu chung (GDDS) hoặc Tiêu chuẩn phổ biến dữ liệu riêng biệt (SDDS) và mã (ROSC), chúng ta có thể biết Thống kê Việt Nam hiện đang ở đâu trên bản đồ Thống kê thế giới.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam 2021-2030, tầm nhìn 2045 đã đặt ra mục tiêu đến năm 2030 Việt Nam là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

Năm tài khóa 2021, Việt Nam nằm trong nhóm nền kinh tế có mức thu nhập trung bình thấp, với mức GNI bình quân đầu người đạt 2.540 USD; với mục tiêu đến năm 2030, là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao (khoảng từ 4.046 đến 12.535 USD) để có thể đối sánh với các nước thu nhập trung bình cao hiện nay ở khu vực như Indonesia, Thái Lan hoặc Malaysia. Hay nói cách khác có thể kỳ vọng trình độ phát triển và thu nhập của Việt Nam vào năm 2030 sẽ đạt tới trình độ phát triển và thu nhập hiện nay của Malaysia năm 2020.

Với tầm nhìn đến năm 2045 Việt Nam sẽ trở thành nước phát triển, thu nhập cao (12.536 USD trở lên), chúng ta có thể đối sánh với các nền kinh tế thu nhập cao hiện nay trong khu vực như Singapore (1987), Brunei (1990), Đài Loan (1987) và Hàn Quốc (1993).

Hình 5. Đối sánh Mục tiêu phát triển của Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 với Malaysia và Hàn quốc



Nguồn: <https://databank.worldbank.org/source/world-development-indicators> và tác giả tự lập

Đối với thống kê, các mục tiêu chiến lược phụ thuộc vào bối cảnh quốc gia và thiết chế hành chính của một quốc gia cụ thể, nhưng có thể đưa ra một số khuyến nghị về những yếu tố nào cần xem xét trong các lĩnh vực năng lực chính khi phản ánh các mục tiêu chiến lược và chiến lược. Do đó, chúng ta cũng có thể đối sánh Thống kê Việt Nam năm 2030 với Thống kê của Malaysia và Thống kê Việt Nam năm 2045 với Thống kê của Hàn Quốc hiện nay dựa trên Chỉ số dữ liệu mở.

Bảng 5. Đối sánh Thống kê Việt Nam năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 với Thống kê của Malaysia và Hàn Quốc hiện nay

2020 Nền kinh tế thu nhập trung bình thấp		2030 Nền kinh tế thu nhập trung bình cao		2045 Nền kinh tế thu nhập cao	
Việt Nam 2020		Malaysia 2020		Hàn Quốc 2020	
Điểm ODIN	Xếp hạng	Điểm ODIN	Xếp hạng	Điểm ODIN	Xếp hạng
49	91	53	78	70	22

Năm 2020 Thống kê Việt Nam xếp thứ hạng 91/187 nước với Chỉ số dữ liệu mở là 49 (mức trung bình), mục tiêu đến năm 2030 thứ hạng của Thống kê Việt Nam sẽ tăng lên là 78 với Chỉ số dữ liệu mở là 53 (mức trung bình khá) và đến năm 2045 sẽ tăng lên thứ hạng 22 với Chỉ số dữ liệu mở là 70 (mức khá).

Tương tự, chúng ta cũng có thể đối sánh các lĩnh vực thống kê kinh tế, thống kê xã hội và thống kê môi trường của Việt Nam so với các lĩnh vực này của Malaysia và Hàn Quốc.

Bảng 6. Đối sánh Thống kê kinh tế của Việt Nam năm 2020, 2030 và 2045

Danh mục dữ liệu	Thống kê kinh tế Việt Nam năm 2020			Thống kê kinh tế Việt Nam năm 2030 (Malaysia 2020)			Thống kê kinh tế Việt Nam năm 2045 (Hàn Quốc 2020)		
	Mức độ bao phủ	Độ mở	Điểm xếp hạng chung	Mức độ bao phủ	Độ mở	Điểm xếp hạng chung	Mức độ bao phủ	Độ mở	Điểm xếp hạng chung
Tài khoản quốc gia	38	70	56	38	60	50	75	90	83
Thống kê Lao động	60	60	60	70	60	65	70	80	75
Chỉ số giá	38	70	56	75	50	61	88	90	89
Tài chính Chính phủ	75	70	72	75	40	56	75	90	83
Tiền tệ và Ngân hàng	0	0	0	50	50	50	100	90	94
Thương mại quốc tế	50	70	63	100	60	75	100	90	94
Cán cân thanh toán	0	0	0	100	60	75	100	90	94
Thống kê kinh tế	40	49	45	71	54	61	85	89	87

Nguồn: Regional Results - Open Data Inventory (opendatawatch.com) và tác giả tổng hợp

Kỳ vọng Chỉ số dữ liệu mở của thống kê kinh tế của Việt Nam đang ở mức trung bình (45 điểm) năm 2020 sẽ tăng lên mức khá (61 điểm) vào năm 2030 và mức cao (87 điểm) vào năm 2045.

Bảng 7. Đối sánh Thống kê xã hội của Việt Nam năm 2020, 2030 và 2045

Danh mục dữ liệu	Thống kê xã hội Việt Nam năm 2020			Thống kê xã hội Việt Nam năm 2030 (Malaysia 2020)			Thống kê xã hội Việt Nam năm 2045 (Hàn Quốc 2020)		
	Mức độ bao phủ	Độ mở	Điểm xếp hạng chung	Mức độ bao phủ	Độ mở	Điểm xếp hạng chung	Mức độ bao phủ	Độ mở	Điểm xếp hạng chung
Thống kê dân số và sinh, tử, kết hôn	40	50	45	80	60	70	80	90	85
Cơ sở vật chất giáo dục	40	60	50	40	50	45	40	80	60
Kết quả giáo dục	40	60	50	40	50	45	40	80	60

Cơ sở Y tế	40	70	55	40	60	50	70	90	80
Kết quả sức khỏe	40	70	55	40	60	50	30	90	60
Sức khỏe sinh sản	50	50	50	50	60	55	80	90	85
An ninh lương thực và dinh dưỡng	50	60	56	50	60	56	75	90	83
Thống kê giới tính	30	40	35	0	0	0	40	70	55
Thống kê Tội phạm và Tư pháp	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Thống kê Đói nghèo và Thu nhập	60	70	65	60	60	60	50	90	70
Thống kê xã hội	39	53	46	40	46	43	50	77	64

Nguồn: Regional Results - Open Data Inventory (opendatawatch.com) và tác giả tổng hợp

Kỳ vọng Chỉ số dữ liệu mở của thống kê xã hội của Việt Nam đang ở mức trung bình (46 điểm) năm 2020 sẽ duy trì mức trung bình khá hơn vào năm 2030 và mức khá (64 điểm) vào năm 2045.

Bảng 8. Đối sánh Thống kê môi trường của Việt Nam năm 2020, 2030 và 2045

Danh mục dữ liệu	Thống kê môi trường Việt Nam năm 2020			Thống kê môi trường Việt Nam năm 2030 (Malaysia 2020)			Thống kê môi trường Việt Nam năm 2045 (Hàn Quốc 2020)		
	Mức độ bao phủ	Độ mở	Điểm xếp hạng chung	Mức độ bao phủ	Độ mở	Điểm xếp hạng chung	Mức độ bao phủ	Độ mở	Điểm xếp hạng chung
Nông nghiệp và sử dụng đất	40	60	50	40	60	50	50	80	65
Sử dụng tài nguyên	100	70	83	88	60	72	88	90	89
Năng lượng	50	70	63	50	60	56	100	90	89
Ô nhiễm	63	70	67	38	60	50	50	90	72
Môi trường xây dựng	20	30	25	50	50	50	0	0	0
Thống kê môi trường	52	60	57	52	58	55	52	70	62

Nguồn: Regional Results - Open Data Inventory (opendatawatch.com) và tác giả tổng hợp

Kỳ vọng Chỉ số dữ liệu mở của thống kê môi trường của Việt Nam đang ở mức trung bình trung bình khá (57 điểm) năm 2020 sẽ duy trì mức trung bình khá vào năm 2030 và mức khá (62 điểm) vào năm 2045.

Một khi biết rõ chúng ta đang ở đâu (Đánh giá) và chúng ta đang hướng tới đâu (Tầm nhìn), sẽ giúp xác định các mục tiêu

chiến lược và các phương pháp hoặc chiến lược để đạt được chúng. Trên cơ sở các mục tiêu đã được xác định trong Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030, tôi có đề xuất giả định các mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể cho Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

Hình 6. Đề xuất mục tiêu Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045

Chiến lược 2011-2020		Chiến lược 2021-2030		
Đã được xác định	2020	Giả định	2025	2030
Mục tiêu tổng quát: Thống kê Việt Nam phát triển nhanh, bền vững; phấn đấu đến năm 2030 đạt trình độ tiên tiến trong khu vực	Thống kê Việt Nam đạt trình độ khá trong khu vực	Mục tiêu tổng quát/ Tầm nhìn đến 2045: Trở thành một Hệ thống thống kê quốc gia được xếp hạng tốt nhất trên toàn cầu, cung cấp và duy trì dịch vụ thống kê quốc gia của chất lượng, toàn vẹn và chuyên nghiệp.	<ul style="list-style-type: none"> Thống kê Việt Nam đạt trình độ khá trong khu vực 	<ul style="list-style-type: none"> Thống kê Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực
Mục tiêu cụ thể: - Xây dựng, hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu thống kê của các Bộ, ngành đồng bộ với Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã	Các thông tin thống kê được sản xuất và phổ biến đáp ứng các tiêu thức chất lượng đang được hầu hết các cơ quan thống kê quốc gia và các tổ chức quốc tế áp dụng	Mục tiêu cụ thể/ Chiến lược: - Phát triển các sản phẩm chất lượng cao phù hợp cho người dùng	<ul style="list-style-type: none"> Thiết lập khung chất lượng Tuân thủ đầy đủ Tiêu chuẩn phổ biến dữ liệu riêng (SDDS) của Quỹ Tiền tệ Quốc tế Điểm số dữ liệu mở đạt trên 60 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> Tuân thủ đầy đủ Tiêu chuẩn phổ biến dữ liệu riêng cộng (SDDS Plus) của Quỹ Tiền tệ Quốc tế Điểm số dữ liệu mở đạt trên 70 điểm
- Hình thành hệ thống thống tin thống kê quốc gia tập trung, đồng bộ và thống nhất, chia sẻ và kết nối thông tin thường xuyên, chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức thống kê trong nước, thực hiện các cam kết về cung cấp và chia sẻ thông tin với các tổ chức quốc tế, cơ quan thống kê các quốc gia	Xây dựng kho dữ liệu thống kê kinh tế - xã hội vào năm 2020 để các đối tượng dùng tin đều có thể khai thác, sử dụng. Tuân thủ đầy đủ Tiêu chuẩn phổ biến dữ liệu riêng (SDDS) của Quỹ Tiền tệ Quốc tế	- Hiện đại hóa hệ thống thống kê quốc gia	<ul style="list-style-type: none"> Hiện đại hóa cơ sở hạ tầng thống kê Tích hợp các kho dữ liệu thống kê kinh tế - xã hội để các đối tượng dùng tin có thể khai thác, sử dụng. 	<ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo sử dụng tối đa công nghệ và phương pháp thống kê ưu việt; Tăng cường sản xuất thống kê và sử dụng thống kê thông qua các trung tâm dữ liệu và nền tảng mở
- Chỉ số chung về năng lực thống kê	80 điểm	- Cải thiện sự phối hợp của Hệ thống thống kê, nâng cao năng lực thống kê của toàn bộ Hệ thống	<ul style="list-style-type: none"> Tăng cường phối hợp Chỉ số chung về năng lực thống kê trên 80 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> Cải cách khung pháp lý Chỉ số chung về năng lực thống kê trên 90 điểm Nâng mức độ thực hiện
- Chỉ số phương pháp luận thống kê	75 điểm		<ul style="list-style-type: none"> Chỉ số phương pháp luận thống kê trên 75 	<ul style="list-style-type: none"> Chỉ số phương pháp luận thống kê trên 80
- Nâng mức độ thực hiện Hệ thống tài khoản quốc gia theo Khung đánh giá của Ủy ban Thống kê Liên hợp quốc đạt mức 6/6 vào năm 2030	Mức 4/6	- Tối đa hóa giá trị của số liệu thống kê chính thức	<ul style="list-style-type: none"> Nâng mức độ thực hiện Hệ thống tài khoản quốc gia theo Khung đánh giá của Ủy ban Thống kê Liên hợp quốc đạt mức 4/6 Cải thiện và củng cố các dịch vụ thống kê và hệ thống phân phối; 	<ul style="list-style-type: none"> Hệ thống tài khoản quốc gia theo Khung đánh giá của Ủy ban Thống kê Liên hợp quốc đạt mức 6/6 Triển khai các mô hình sản xuất thống kê mới

Như trên tôi đã đề cập một khi thế giới bắt tay vào một dự án đầy tham vọng nhằm đáp ứng các mục tiêu phát triển bền vững mới, nhu cầu cấp thiết là phải huy động cuộc cách mạng dữ liệu cho tất cả mọi người và toàn hành tinh để theo dõi tiến độ, duy trì các chính phủ có trách nhiệm và thúc đẩy phát triển bền vững. Cuộc cách mạng dữ liệu là sự bùng nổ về khối lượng dữ liệu, tốc độ dữ liệu được tạo ra, số lượng nhà sản xuất dữ liệu, việc phổ biến dữ liệu và phạm vi của những thứ có dữ liệu, đến từ các công nghệ mới như di động điện thoại và internet vạn vật, và từ các nguồn khác, chẳng hạn như dữ liệu định tính, dữ liệu tổng hợp và dữ liệu nhận thức (Elizabeth, 2015).

Thống kê chính thức và Hệ thống thống kê quốc gia đang phải đối mặt với

những thách thức trong việc thích ứng với môi trường dữ liệu mới. Các mô hình phát triển thống kê đã được thực hiện trong 15-20 năm qua có thể bị các cơ quan sản xuất dữ liệu mới bỏ qua và bị coi là không phù hợp nếu các quốc gia không thích ứng. Cuộc cách mạng dữ liệu sẽ ảnh hưởng đến mọi lĩnh vực của Hệ thống thống kê quốc gia. Theo tôi, triển khai cuộc cách mạng dữ liệu cũng chính là bước đột phá trong Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam mới giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

Trong tài liệu "Hướng dẫn xây dựng Chiến lược Quốc gia về Phát triển Thống kê" (PARIS21, 2018) PARIS21 đề nghị tất cả các giai đoạn của Chiến lược phát triển Thống kê phải đáp ứng những nhu cầu mới này bằng cách xem xét:

➤➤➤ NGHIÊN CỨU • TRAO ĐỔI

- Phát triển hơn nữa các hệ thống dữ liệu hành chính để đưa ra các ước tính dân số đáng tin cậy và mạnh mẽ nhằm tái cơ sở dữ liệu dựa trên dân số và cố định nguồn dữ liệu mới.

- Bổ sung cho việc thu thập dữ liệu truyền thống bằng các nguồn dữ liệu mới dựa trên các đánh giá về chi phí, tính dễ thu thập, chất lượng dữ liệu thu được thông qua các quy trình mới và tính bền vững của các quy trình.

- Thực hiện đúng quy trình trong việc đánh giá sự thay thế hiệu quả về chi phí đối với các nguồn dữ liệu hiện có.

- Phát triển một kế hoạch dữ liệu toàn diện và cách tiếp cận phối hợp tính toán thu thập dữ liệu để có tần suất cao hơn trong báo cáo cho đến thời điểm hiện tại, phân tách nhiều hơn, phù hợp hơn về mặt địa lý (xem Lộ trình Cách mạng dữ liệu do Đối tác toàn cầu về Dữ liệu Phát triển Bền vững thiết lập).

- Lập ngân sách cho nhân viên/ nguồn nhân lực trong lĩnh vực khoa học dữ liệu mới nổi, cũng như năng lực pháp lý và quản lý.

- Xây dựng kế hoạch xây dựng quan hệ đối tác mới, bằng cách xây dựng liên kết với các bên khác nhau trong khu vực tư nhân, khai thác mạng lưới tư vấn dữ liệu đáng tin cậy hoặc tận dụng các cơ quan thống kê khu vực để tạo điều kiện tiếp cận với các tổ chức đa phương lớn.

- Thiết lập mối liên kết chặt chẽ với các Chiến lược khu vực về phát triển thống kê để kết hợp các nguồn lực khu vực trong các trung tâm kiến thức và xuất sắc nơi các cơ quan thống kê quốc gia không có năng lực và nguồn lực để thích ứng.

- Xem xét các quy trình nghiệp vụ thống kê hiện có và nếu cần, xem xét sửa đổi.

Từ đó tôi có gợi ý Chương trình hành động của Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam mới giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045 có thể là:

1. Cải thiện các quy trình dữ liệu hiện có:

- Phương pháp khảo sát: cải tiến trong phương pháp khảo sát.

- Thu thập dữ liệu di động: nhập dữ liệu từ xa bằng điện thoại di động và máy tính bảng.

- Dữ liệu hành chính: những phát triển hiện tại về tính sẵn có và sử dụng dữ liệu hành chính.

- Phổ biến dữ liệu: Phổ biến nhất quán bằng cách sử dụng công nghệ mới và các công cụ sáng tạo thích ứng với nhu cầu của người dùng.

2. Tích hợp các nguồn dữ liệu mới

- Dữ liệu cảm biến và không gian địa lý: Ví dụ sử dụng hình ảnh vệ tinh để ước tính mức độ nghèo đói.

- Dữ liệu viễn thông: Ví dụ sử dụng bản ghi chi tiết cuộc gọi để ước tính nghèo đói và giàu có.

- Các giao dịch thương mại, bao gồm dữ liệu máy quét, dữ liệu thẻ tín dụng, v.v... Ví dụ sử dụng dữ liệu máy quét cho Chỉ số Giá tiêu dùng.

- Thu thập thông tin, tìm kiếm và phân tích web: Ví dụ sử dụng đăng tuyển dụng trực tuyến để ước tính tỷ lệ thất nghiệp hoặc dữ liệu LinkedIn để ước tính những thay đổi trong các loại công việc.

- Truyền thông xã hội: Sử dụng Google Xu hướng và phân tích tình cảm để đo lường sức khỏe chủ quan.

3. Tăng khả năng đáp ứng

- Hiệu quả chi phí: quan hệ đối tác công tư - được định nghĩa là các thỏa thuận hợp tác, tự nguyện nhằm tăng khả năng cung cấp thống kê mới hoặc tốt hơn của Hệ thống thống kê quốc gia (NSS) - có thể giúp NSS tiết kiệm tài nguyên bằng cách chia sẻ dữ liệu và tránh chi phí trả trước cao trong cơ sở hạ tầng để quản lý dữ liệu.

- Tính kịp thời: vì siêu dữ liệu di động chưa được xử lý có sẵn gần như tức thời nên Bản ghi chi tiết cuộc gọi (CDR) từ các nhà khai thác điện thoại di động, chẳng hạn, có thể mang lại số liệu thống kê gần thời gian thực.

- Độ chi tiết: Dữ liệu khu vực tư nhân – Bản ghi chi tiết cuộc gọi (CDR) và dữ liệu không gian địa lý nói riêng - có thể hiển thị mức độ chi tiết lớn về thời gian, không gian, chủ đề và đơn vị. Điều này rất hữu ích cho việc đánh giá các chính sách ngắn hạn và tạo ra các số liệu thống kê phân tách ở cấp vùng và tiểu vùng chẳng hạn.

- Dữ liệu trong các lĩnh vực mới: Dữ liệu lớn đặc biệt có tiềm năng hỗ trợ việc tạo ra các chỉ số mới, trước đây chưa được các Cơ quan thống kê quốc gia tổng hợp, chẳng hạn như đo lường sự bất bình đẳng đặc biệt phù hợp trong khuôn khổ của SDGs.

- Tăng khả năng đáp ứng. Các nguồn dữ liệu mới trang bị cho các Cơ quan thống kê quốc gia khả năng giải quyết các chủ đề mới một cách nhanh chóng và giúp các học giả trả lời các câu hỏi điều gì sẽ xảy ra.

4. Các hình thức đối tác mới

- Quyền truy cập vào các nguồn dữ liệu mới yêu cầu các hình thức đối tác mới. Trong những năm gần đây, chúng ta đã thấy sự xuất hiện của một số cấu trúc hợp tác thành

công, thường liên kết các tác nhân khác nhau trong khu vực tư nhân. Các quan hệ đối tác công tư (PPP) để thống kê có ba đặc điểm phân biệt với PPP trong các lĩnh vực khác:

- Chúng cần được xây dựng thành các thỏa thuận dài hạn, vì thường có nhu cầu về dữ liệu dọc và đồng thời, có rất ít nhà cung cấp thay thế tồn tại - ví dụ: nhật ký điện thoại chỉ được một số Nhà khai thác mạng di động nắm giữ.

- Rủi ro về quyền sở hữu và quyền riêng tư đóng vai trò trung tâm trong PPP để thống kê, trong khi trong các lĩnh vực khác, ví dụ, trong cơ sở hạ tầng, rủi ro chủ yếu liên quan đến Giá trị đồng tiền và Lợi tức đầu tư.

- PPP cho thống kê có thể bao gồm bất kỳ giai đoạn nào của chuỗi giá trị dữ liệu, bao gồm thu thập, xử lý, phân tích và phổ biến dữ liệu.

5. Tăng cường vai trò dẫn dắt của Tổng cục Thống kê (GSO) – Cơ quan thống kê quốc gia

- Thay đổi vai trò của GSO: hệ sinh thái dữ liệu thay đổi của các nhà cung cấp và người dùng dữ liệu mới sẽ dẫn đến việc thay đổi mô hình sản xuất cho các GSO và các cơ quan sản xuất dữ liệu khác. Đặc biệt, GSO sẽ ít được tích hợp theo chiều dọc hơn và thuê ngoài nhiều quy trình thống kê của họ hơn. Điều này đi kèm với sự thay đổi vai trò của GSO từ quyền sở hữu đối với sản xuất thống kê sang quyền sở hữu đối với các thách thức quản lý để đánh giá rủi ro và chi phí.

- Thay đổi yêu cầu kỹ năng: sự thay đổi vai trò của GSO cũng đặt ra các yêu cầu khác nhau về bộ kỹ năng của GSO. Nhân viên của GSO cần có chỉ dẫn phù hợp về các phương pháp luận mới để xác định, đánh giá và truy cập các nguồn dữ liệu mới. Điều này đòi hỏi kỹ năng và năng lực đào tạo trong

➤➤➤ NGHIÊN CỨU • TRAO ĐỔI

lĩnh vực mới nổi của khoa học dữ liệu mà còn cả năng lực pháp lý và quản lý.

- Cách tiếp cận kết hợp để biên soạn số liệu thống kê chính thức: mức độ tổng quát thống kê của nhiều nguồn dữ liệu phi truyền thống hiện chưa được hiểu rõ. Do đó, chúng nên được sử dụng một cách thận trọng và các nguồn truyền thống nên được sử dụng để xác nhận và hiệu chỉnh các ước tính này, đặc biệt là trong ngắn hạn. Cách tiếp cận kết hợp và bổ sung như vậy ngụ ý rằng GSO sẽ tiếp tục dựa vào các phương pháp thống kê truyền thống.

- Sự dẫn dắt của GSO: các tác nhân khác nhau trong Hệ thống thống kê quốc gia sẽ sử dụng các nguồn khác nhau với tốc độ khác nhau. GSO thường sẽ là cơ quan chủ trì xây dựng và thực hiện Chiến lược phát triển thống kê của một quốc gia. GSO có thể đóng một vai trò quan trọng bằng cách nêu một ví dụ điển hình về cách có thể sử dụng các nguồn dữ liệu mới cho số liệu thống kê chính thức bằng cách cố gắng thử nghiệm các nguồn mới với sự cân nhắc thích đáng về quyền riêng tư và chất lượng.

6. Khuôn khổ pháp lý

- Sự thành công của quan hệ đối tác dữ liệu phụ thuộc vào việc áp dụng các phương pháp tiếp cận dựa trên giao thức có hệ thống và minh bạch để chia sẻ dữ liệu, nhằm hạn chế rủi ro nhận dạng lại các cá nhân về độ tin cậy và tính toàn vẹn của hệ thống thống kê quốc gia khi xử lý dữ liệu không tình nguyện.

- Một trở ngại cho việc lấy và sử dụng các nguồn dữ liệu mới là cần phải xác định các công cụ và quy trình pháp lý để truy cập những dữ liệu này và bảo vệ tính bí mật của người dùng. Những người dùng này là miền riêng tư và tạo thành một nguồn dữ liệu

khách hàng phong phú được bảo vệ bởi lợi ích cá nhân có thể giữ dữ liệu.

- Sửa đổi Luật Thống kê cho các phát triển dữ liệu mới, chẳng hạn như việc sử dụng Dữ liệu lớn.

Chỉ có như vậy chúng ta có thể hy vọng đến năm 2045 Thống kê Việt Nam sẽ trở thành một Hệ thống thống kê quốc gia được xếp hạng tốt nhất trên toàn cầu, cung cấp và duy trì dịch vụ thống kê quốc gia chất lượng, toàn vẹn và chuyên nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

1. ADB (2002), *Handbook on environment statistics*, Development Indicators and Policy Research Division, Economics and Research Department, ASIAN DEVELOPMENT BANK;
2. Candice Stevens (2005), *Measuring Sustainable Development*, Organisation for Economic Co-operation and Development (OECD);
3. Elizabeth Stuart, Emma Samman, William Avis and Tom Berliner (2015), *The data revolution*, Overseas Development Institute, London;
4. Enrico Giovannini (2008), *Understanding Economic Statistics an OECD perspective*, OECD;
5. ODB (2017), *Global Report 4th Edition, Open Data Barometer*, The World Wide Web Foundation;
6. PARIS21 (2018), *Assessing the capacity of national statistical systems: a user's guide*, NSS Assessment Guide;
7. PARIS21 (2018), *Guidelines for the elaboration of a National Strategy for the*

NGHIÊN CỨU • TRAO ĐỔI ◀◀◀

Development of Statistics, NSDS
GUIDELINES;

8. Shaida Badiie, Johannes Jütting, Deirdre Appel, Thilo Klein and Eric Swanson (2017), *The role of national statistical systems in the data revolution, Development Co-operation Report 2017*, Data for Development, OECD;

9. UNSD (2013), *Guidelines on Integrated Economic Statistics, Department of Economic and Social Affairs, Statistics Division, United Nations, New York*;

10. UNSD, *Brochure social statistics, Demographic and Social Statistics*, United Nations Statistics Division.
